TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊNHUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số**: 88/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huế.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Thủy và bà Trần Thị Thanh Xuân.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Trần Thị Lan Hương, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế không tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 603/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/07/2023; Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1990; địa chỉ: 5/93 đường Đ, phường P, thành phố H , tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: 5/93 đường Đ, phường P, thành phố H , tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Lê Thị Thùy T đều trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh T quen biết nhau tự nguyện, sau đó đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi theo phng tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 01/02/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được 10 năm. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, gây gổ nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T khai chị và anh T có 02 con chung là cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/02/2010 và cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 17/6/2012. Hiện cháu T đang ở với anh T còn cháu Kim A đang ở với chị. Chị T có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Kim A và giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/02/2010 cho anh Nguyễn Thanh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/8/2023, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn thì như chị T đã trình bày. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay chị T xin ly hôn thì anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh T xác nhận vợ chồng anh có 02 con chung như chị T đã khai. Nếu ly hôn anh đồng ý giao cháu Nguyễn Thị Kim A cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, còn anh nhận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Thanh T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Thanh T không đến Toà án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, anh T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 24/07/2023, cháu Nguyễn Thị Kim A (con gái anh T chị T) trình bày: Nếu ba mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

Tại bản tự khai ngày 03/08/2023, cháu Nguyễn Thành Trung (con trai anh T chị T) trình bày: Nếu ba mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với ba.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Nguyễn Thanh T, xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục con chung là cháu Nguyễn Thị Kim A, giao cháu Nguyễn Thanh T cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật: Tại công văn số 48/CV-VKS-DS ngày 17/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế nhận thấy vụ án không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Thông tư liên tịch số 02/2016TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 quy định việc phối hợp giữa Viện kểm sát và Tòa án nên không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Thùy T khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Thanh T. Anh T có nơi cư trú tại: Số nhà 5/93 đường Đ, phường P, thành phố H , tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố

Huế thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh T và chị Lê Thị Thùy T có quá trình chung sống với nhau, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H vào ngày 01/02/2010 (số 08, năm 2010). Như vậy, hôn nhân giữa anh T và chị T là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy Trang, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo trình bày của chị T thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nhau,hay cãi vã gây gổ nhau. Trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Tại phiên tòa, chị T vẫn cương quyết ly hôn với anh T, phía anh T cũng đã đồng ý ly hôn với chị Trang đồng thời có đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện sự bỏ mặc, không muốn đoàn tụ. Nhận thấy, tình nghĩa vợ chồng giữa chị T và anh T không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T.

[2.3] Về con chung: Chị T và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/02/2010 và cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 17/6/2012. Hiện cháu T đang ở với anh T còn cháu Kim A đang ở với chị T.

Xét yêu cầu của chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim A và giao cháu T cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp với ý kiến, nguyện vọng của anh T, không làm xáo trộn, thay đổi việc các cháu hiện nay đang trực tiếp chung sống với anh T, chị T. Do đó, cần giao cháu Nguyễn Thị Kim A cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Kim A đủ 18 tuổi, giao cháu Nguyễn Thanh T cho anh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi là phù hợp.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị T và anh T không có yêu cầu nên nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị T, anh T chưa thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Lê Thị Thùy T đối với anh Nguyễn Thanh T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Chị Lê Thị Thùy T được ly hôn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 17/6/2012 cho chị Lê Thị Thùy T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu Kim A đủ 18 tuổi; Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 19/02/2010 cho anh Nguyễn Thanh T tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006329 ngày 10/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường P, TP H, tỉnh TTHuế.*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế